

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
XÃ PHÚ ĐÔ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

Phú Đô, ngày 08 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2021 xã Phú Đô

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚ ĐÔ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị Quyết số 03/NQ-HĐND ,ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân xã Phú Đô về việc phê chuẩn quyết toán thu chi ngân sách xã năm 2021;

Xét đề nghị của Ban tài chính xã Phú Đô,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số quyết toán ngân sách năm 2021 xã Phú Đô.

(Theo các biểu kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã , Ban tài chính, các bộ phận liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng tài chính - kế hoạch;
- ĐU, HĐND xã;
- 14 trưởng xóm;
- Lưu VP,KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phùng Thanh Hà

PHỤ LỤC THUYẾT MINH CÔNG KHAI

QUYẾT TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH XÃ PHÚ ĐÔ NĂM 2021

(Kèm theo QĐ số: /QĐ-UBND, ngày 08 tháng 8 năm 2022 của UBND xã Phú Đô)

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 3466/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Phú Lương về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2021 huyện Phú Lương;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân xã Phú Đô về việc phê chuẩn Quyết toán thu chi ngân sách xã năm 2021;

Ủy ban nhân dân xã Phú Đô thuyết minh công khai quyết toán ngân sách xã năm 2021, cụ thể như sau:

I/. Thu ngân sách:

Tổng thu ngân sách năm 2021: 9.081.036.624 đồng, đạt 135,7% so với dự toán, trong đó:

2.1. Thu điều tiết ngân sách: 232.540.780 đồng

- Lệ phí trước bạ: 14.059.619 đồng
- Phí lệ phí: 25.426.500 đồng
- Thu phạt: 33.400.000 đồng
- Thuế thu nhập cá nhân: 55.866.111 đồng
- Thuế phi nông nghiệp: 171.600 đồng
- Thuế môn bài: 18.600.000 đồng

- Thuế GTGT: 82.146.950 đồng
- Thuế tài nguyên: 2.870.000 đồng

2.2. Thu quản lý qua ngân sách: 695.448.523 đồng

2.3 . Thu kết dư ngân sách: 448.978.168 đồng

2.4. Thu chuyển nguồn: 50.000.000 đồng

2.5 Thu bổ sung ngân sách cấp trên: 7.654.069.153 đồng

- Thu bổ sung cân đối: 5.165.330.750 đồng
- Thu bổ sung có mục tiêu: 2.488.738.403 đồng

II/. Chi ngân sách:

Tổng chi ngân sách năm 2021: 9.021.266.423 đồng, trong đó:

1. Chi thường xuyên : 7.151.461.846 đồng

(có biểu chi tiết kèm theo)

- Trong đó Chi dự phòng: 123.000.000 đồng, chi tiết:
 - + Chi tuyên truyền phòng chống dịch covid - 19: 14.700.000 đồng
 - + Chi triển khai công tác phòng chống lụt bão: 7.860.000 đồng
 - + Chi triển khai công tác phòng chống dịch bệnh covid - 19 trên địa bàn xã:

11.620.000 đồng

- + Chi gia công biển khu vực cách ly, gia công biển khung sắt khu vực trung tâm phòng chống dịch covid - 19, tiền test nhanh kháng nguyên covid - 19: 32.000.000 đồng

- + Chi bồi dưỡng tổ giúp việc tham gia các đợt tiêm phòng covid 19 trên địa bàn xã: 20.000.000 đồng

- + Chi mua khẩu trang y tế, nước sát khuẩn tay, quần áo bảo hộ, kit test phòng chống covid-19: 36.820.000 đồng

2. Chi XDCB: 1.869.804.577 đồng

(có biểu chi tiết kèm theo)

III. Xác định kết dư ngân sách chuyển năm 2021: 59.770.201 đồng, chi tiết

- + Tiền kết dư năm 2021 chuyển sang 2022, thanh toán cho công trình:

- + Đường bê tông từ ngã ba xóm Ao Cống đi các xóm Phú Nam 6,7,8 xã Phú Đô, huyện Phú Lương: 27.968.000 đồng (nguồn nhân dân đóng góp)

- + Kết dư chi thường xuyên: 31.802.201 đồng, trong đó:
- . Kinh phí hỗ trợ phòng chống covid: 29.000.000 đồng
- . Hoạt động khác: 2.802.201 đồng

IV. Thu chi quỹ công chuyên dùng, quỹ tiền gửi khác

(Có biểu chi tiết kèm theo)

III/. Đánh giá chung:

Nhìn chung, trong năm 2021, bộ phận kế toán đã chủ động tham mưu trong công tác tham mưu điều hành ngân sách phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, phục vụ hoạt động các ngành, các bộ phận, đáp ứng đầy đủ các khoản chi thường xuyên đảm bảo hoạt động cho đơn vị như chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp, các chế độ chính sách, chi phòng chống covid-19 và các khoản chi thiết yếu khác theo dự toán được giao.

Trên đây là báo cáo công khai thuyết minh quyết toán thu chi ngân sách xã năm 2021 (*Chi tiết theo biểu số 116,117,118,119,120/CKTC-NSNN kèm theo*).

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021*(Quyết toán đã được HĐND quyết định)**Đơn vị tính: Đồng*

Nội dung thu	Quyết toán	Nội dung chi	Quyết toán
Tổng thu	9.081.036.624	Tổng chi	9.021.266.423
I. Các khoản thu 100%	754.275.023	I. Chi đầu tư phát triển	1.869.804.577
II. Các khoản phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	173.714.280	II. Chi thường xuyên	7.151.461.846
III. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	7.654.069.153	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (Nếu có)	
Bổ sung cân đối ngân sách	5.165.330.750	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
Bổ sung có mục tiêu	2.488.738.403		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	448.978.168		
V. Thu chuyển nguồn	50.000.000		
Kết dư ngân sách	59.770.201		

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Quyết toán đã được HĐND quyết định)

Đơn vị tính: Đồng

NỘI DUNG	Dự toán năm		Quyết toán		So sánh %	
	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
TỔNG THU	6.660.000.000	6.691.000.000	8.994.822.792	9.081.036.624	135	136
I. Các khoản thu 100%	105.000.000	105.000.000	754.275.023	754.275.023	718	718
1. Phí, lệ phí	55.000.000	55.000.000	25.426.500	25.426.500	46	46
2. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
3. Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4. Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			7.500.000	7.500.000		
5. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6. Thu đóng góp của nhân dân theo quy định						
7. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			695.448.523	695.448.523		
8. Thu kết dư ngân sách năm trước						
9. Thu hồi kinh phí năm trước						

8. Thu khác	50.000.000	50.000.000	25.900.000	25.900.000	52	52
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	115.000.000	146.000.000	156.604.025	173.714.280	136	119
1. Các khoản thu phân chia	0	11.500.000	21.641.600	35.701.219		
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			171.600	171.600		
- Thuế tài nguyên			2.870.000	2.870.000		
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh			18.600.000	18.600.000		
- Lệ phí trước bạ nhà, đất		11.500.000		14.059.619		
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	115.000.000	134.500.000	134.962.425	138.013.061	117	103
- Thuế thu nhập cá nhân	46.000.000	65.500.000	52.815.475	55.866.111	115	85
- Thuế GTGT	69.000.000	69.000.000	82.146.950	82.146.950	119	119
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV. Thu chuyển nguồn			50.000.000	50.000.000		
V. Thu kết dư ngân sách năm trước			448.978.168	448.978.168		
VI. Thu bổ sung ngân sách từ cấp trên	6.440.000.000	6.440.000.000	7.584.965.576	7.654.069.153	118	119
- Thu bổ sung ngân sách từ cấp trên	5.537.000.000	5.537.000.000	5.165.330.750	5.165.330.750	93	93
- Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	903.000.000	903.000.000	2.419.634.826	2.488.738.403	276	276

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Quyết toán đã được HĐND quyết định)

Đơn vị tính: Đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1 = 2 +3	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG CHI	6.691.000.000	0	6.691.000.000	9.021.266.423	1.869.804.577	7.151.461.846	134,83		100
	Trong đó:	0			0					
1	Chi giáo dục	0			215.600.000		215.600.000			
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0			0					
3	Chi quốc phòng	668.319.000		668.319.000	659.613.903		659.613.903	99		99
4	Chi an ninh	473.424.000		473.424.000	431.211.000		431.211.000	91		91
5	Chi y tế	0			0					
6	Chi văn hóa, thông tin	22.000.000		22.000.000	665.000.000	665.000.000		3023		

7	Chi phát thanh, truyền hình	0			0					
8	Chi thể dục thể thao	15.000.000		15.000.000	15.000.000		15.000.000	100		100
9	Chi bảo vệ môi trường	0			0					
10	Chi các hoạt động kinh tế	25.000.000		25.000.000	1.050.701.000	1.025.701.000	25.000.000			
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	5.300.332.000		5.300.332.000	5.780.116.364	119.103.577	5.661.012.787	109		107
12	Chi cho công tác xã hội	75.925.000		75.925.000	81.024.156	60.000.000	21.024.156	107		28
13	Chi khác	0			60.000.000	60.000.000				
14	Chi chuyển nguồn	0			0					
15	Dự phòng ngân sách	111.000.000		111.000.000	123.000.000		123.000.000	111		111

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2021
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

ĐVT: Đồng

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2021	Giá trị đã thanh toán năm 2021			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân		Tổng số	Trong đó t/toán KL năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối NS	Nguồn đóng góp
	TỔNG SỐ		10.232.312.691	2.821.635.047	9.590.149.722	1.869.804.577	5.130.069.000	992.068.000	877.736.577
	Công trình chuyển tiếp		9.113.344.447	2.456.958.773	8.631.620.000	1.586.833.000	5.130.069.000	778.200.000	808.633.000
1	Đường bê tông xóm Phú Bắc	2019	717.077.427	80.000.000	713.420.000	50.000.000	183.032.000		50.000.000
2	Cải tạo sửa chữa Nghĩa trang liệt sỹ xã Phú Đồ	2020	594.755.860	100.000.000	562.800.000	60.000.000	100.000.000		60.000.000
3	Đường bê tông nội xóm Phú Đồ 2, xã Phú Đồ	2020	1.221.198.503	104.000.000	1.043.100.000	419.475.000	276.000.000	419.475.000	
4	Đường bê tông nội xóm Phú Nam 2, xã Phú Đồ	2020	715.996.289	470.766.289	707.941.000	237.175.000	138.950.000	237.175.000	
5	Đường bê tông nội xóm Làng Vu 1, xã Phú Đồ	2020	215.209.887	141.229.887	212.779.000	71.550.000	13.000.000	71.550.000	
6	Đường BT từ Trạm y tế đi THCS xã Phú Đồ	2018	849.607.971	85.000.000	847.200.000	0	762.129.000		
7	Xây mới 5 nhà văn hóa xóm	2018	1.217.592.864	717.592.864	1.217.400.000	33.633.000	724.000.000		33.633.000
8	Sửa chữa, nâng cấp 6 nhà văn hóa xóm	2018	472.035.733	172.035.733	471.600.000	493.400.000	300.000.000		493.400.000
9	Cải tạo, nâng cấp nhà THTCĐ xã Phú Đồ	2012	3.109.869.913	586.334.000	2.855.380.000	221.600.000	2.632.958.000	50.000.000	171.600.000
	Công trình khởi công mới		1.118.968.244	364.676.274	958.529.722	282.971.577	0	213.868.000	69.103.577
24	Đường bê tông xóm Làng Mới, xã Phú Đồ	2021	205.790.572	143.433.572	205.790.572	62.357.000		62.357.000	

25	Đường bê tông xóm Phú Nam 2 đi xóm Phú Nam 3 xã Phú Đô	2021	220.997.202	149.242.702	220.997.202	71.755.000		71.755.000	
26	Đường bê tông xóm Pháng 2 đi xóm Pháng 3 xã Phú Đô	2021	249.511.473	52.000.000	249.511.473	54.610.000		54.610.000	
27	Xây dựng thao trường bắn xã Phú Đô	2021	140.634.163	20.000.000	140.634.163	25.146.000		25.146.000	
28	Lập dự án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Phú Đô, huyện Phú Lương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	2021	302.034.834		141.596.312	69.103.577			69.103.577

KẾ HOẠCH CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2021

(Quyết toán đã được HĐND quyết định)

Nội dung	KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN		
	Thu	Chi	Chênh lệch (+) (-)	Thu	Chi	Chênh lệch (+) (-)
Tổng số						
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	185.760.000	185.760.000	0	530.999.631	486.217.882	44.781.749
a. Hoạt động quỹ công chuyên dùng	185.760.000	185.760.000	0	185.926.070	145.600.000	40.326.070
- Quỹ đền ơn đáp nghĩa	46.440.000	46.440.000	0	44.730.000	44.700.000	30.000
- Quỹ bảo trợ trẻ em	30.960.000	30.960.000	0	29.820.000	29.800.000	20.000
- Quỹ vì người nghèo	46.440.000	46.440.000	0	51.736.070	37.000.000	14.736.070
- Quỹ người cao tuổi	30.960.000	30.960.000	0	29.820.000	19.200.000	10.620.000
- Quỹ nhân đạo+ chữ thập đỏ	15.480.000	15.480.000	0	14.910.000		14.910.000
- Quỹ da cam	15.480.000	15.480.000	0	14.910.000	14.900.000	10.000
b. Tiền gửi tổ chức cá nhân	0	0	0	186.310		186.310

c . Chi hộ	0	0	0	344.887.251	340.617.882	4.269.369
- Thù lao bảo hiểm	0	0	0	344.887.251	340.617.882	4.269.369